

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/DSST

Ngày: 17/6/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà* : Ông Nguyễn Văn Hiến

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đặng Ngọc Thương

Ông Hà Văn Trường

**- Thư ký phiên toà**: Ông Hoàng Văn Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà**: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ 104 B T, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và anh Lê Hữu T1, sinh năm 1982; địa chỉ 127 B T, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

*Người đại diện hợp pháp*: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1959

Địa chỉ: A đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

*Bị đơn*: Anh Vũ Tuấn H, sinh năm 1980

Địa chỉ: A B, Phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp*: Bà Tạ Thùy C, sinh năm 1984

Địa chỉ: 3 N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh Nguyễn Văn T và anh Vũ Tuấn H có quan hệ là bạn bè và làm ăn chung với nhau.

Từ năm 2021, anh T có cho anh H vay làm nhiều khoản, mỗi lần vay đều có ghi giấy nợ. Đến ngày 21/10/2021, anh H mới ghi chung vào hợp đồng vay số tiền là 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng; thỏa thuận lãi suất 8%/tháng, thời hạn trả nợ là 21/4/2022. Sau khi làm giấy vay ngày 21/10/2021 thì đã hủy các giấy vay cũ. Tổng số tiền 1,2 tỷ trong hợp đồng vay tiền chỉ là nợ gốc, không tính lãi. Anh H đã trả tiền lãi cho anh T là 90.000.000 đồng; chưa trả nợ gốc.

Đến nay đã quá hạn nhưng anh H không thanh toán nợ gốc và lãi. Do đó, anh T yêu cầu anh H phải trả nợ gốc là 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng;

Và yêu cầu trả nợ lãi được tính như sau:  $\{1.200.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 12) \times 30 \text{ tháng}\} - 90.000.000 \text{ đồng} = 510.000.000 \text{ đồng}$ .

*Nguyên đơn anh T1 trình bày:*

Anh T1 có giao cho anh Thông số tiền 400.000.000 đồng để anh T giao dịch với anh H, anh T1 không giao dịch và giao tiền trực tiếp cho anh H. Tuy nhiên, ngày 21/5/2021, anh H làm giấy vay nợ trực tiếp với anh T1; ghi vay số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng; thỏa thuận lãi suất 8%/tháng, thời hạn trả nợ là 22/5/2022. Từ khi làm giấy tờ với nhau thì anh H chưa trả cho anh T1 bất kỳ khoản tiền lãi và tiền gốc nào.

Đến nay đã quá hạn nhưng anh H không thanh toán nợ gốc và lãi. Do đó, anh T1 yêu cầu anh H phải trả nợ gốc là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng;

Và yêu cầu trả nợ lãi được tính như sau:  $400.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 12) \times 35 \text{ tháng} = 280.000.000 \text{ đồng}$ .

Anh T, anh T1 chỉ yêu cầu anh H trả nợ, không yêu cầu chị C trả nợ.

*Tại Bản tường trình ngày 29/4/2024 - Bị đơn anh Vũ Tuấn H trình bày:*

Vào khoảng từ tháng 03 năm 2021, anh H có vay của anh Nguyễn Văn T số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) trong nhiều lần, không có giấy vay mượn tiền, nhưng đến tháng 5 năm 2022 anh T mới làm giấy vay mượn nợ, trong giấy vay mượn nợ này anh T ghi là 1,2 tỷ đồng, trong đó thực tế là có 01 tỷ đồng là tiền gốc và 200 triệu là tiền lãi. Cũng trong ngày ghi giấy vay mượn nợ này, anh T có đưa cho anh H ký 01 giấy vay mượn nợ của anh Lê Hữu T1 là 400 triệu đồng nhưng anh H không có vay mượn của anh T1 và cũng không biết anh T1 là ai.

Anh H chưa từng quen anh T1 và cũng chưa từng liên hệ để vay tiền của anh T1. Anh H ký giấy vay nợ của anh T1 là vì anh T gây áp lực buộc anh H phải ký. Anh H cũng có trả lãi cho anh T 02 lần tổng cộng là 90 triệu đồng theo lãi suất thỏa

thuận là 08 phần trăm trên 01 tháng (có tin nhắn đính kèm).

Dẫn chứng cụ thể: Khi anh H bị áp lực của anh T phải ký giấy vay của anh T1 400 triệu đồng, trong tờ “hợp đồng vay tiền không thế chấp”, ngày ký hợp đồng là ngày: 21/5/2021 có ghi số Căn cước công dân của anh H là 077080006371 trong khi giấy căn cước công dân của anh H được cấp vào ngày 11/8/2021. Điều này chứng tỏ là giấy vay tiền này được ký không để bắt anh nhận thêm nợ. Anh H đề nghị Tòa xem xét việc này.

Tổng số tiền mà anh H thực tế mượn của anh T là 01 tỷ đồng và không có mượn của anh T1 400 triệu đồng như đã nói trên. Việc này anh H đã khai báo tại Phòng PC02, Công an tỉnh B-VT,

Hiện nay tiền lãi mà anh T tính với anh H là 510 triệu đồng và anh T1 tính lãi là 280 triệu đồng (xem trong thông báo của Tòa). Nhưng trong “hợp đồng vay tiền không thế chấp” không quy định lãi suất cho vay. Vậy căn cứ vào đâu mà anh T và anh T1 tính tiền lãi rất cao như vậy? anh H đề nghị Tòa xem xét việc này.

Anh H trình bày thêm các sự việc anh T gây áp lực đòi nợ khủng bố đối với anh H:

Khoảng tháng 7 năm 2022 anh T có đòi nợ gay gắt và có người anh H không biết rõ là ai gọi điện nói anh H đừng ra khỏi nhà coi chừng bị chém và sau đó có người đến nhà anh H tạt sơn, ném mắm tôm và gạch đá vào nhà (hiện nay vẫn còn nguyên hiện trường và hàng xóm chứng kiến, có gửi hình ảnh kèm theo đơn này) gia đình anh H có lên báo với Công an P, thành phố V khoảng 3 lần nhưng vẫn chưa thấy kết quả xử lý. Vì quá lo sợ nên anh H không dám ra đường vì sợ bị chém.

Sự việc này đã được Công an tỉnh B tiếp nhận, xử lý vào tháng 7 năm 2023. Anh H đã làm giấy đề nghị tại cơ quan Công an tỉnh BR-VT, hứa sẽ cố gắng trả số tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ tháng 3/2021 đến tháng 7/2022 cho anh T, tổng cộng là 1.1 tỷ đồng, trả hết vào cuối năm 2024, nhưng anh T chưa đồng ý.

Và gần đây nhất, vào lúc 20 giờ 05 phút ngày 13/12/2023, anh T và hai người nữa đến nhà anh H ở A B, Phường E, thành phố V và đánh anh H.

Sự việc tạt sơn nhà và đặc biệt là việc anh Thông hành h đã tạo nên tâm lý hoang mang, lo sợ cho gia đình anh H.

Anh vẫn khẳng định trả nợ cho anh T và anh H đề nghị được trả tiền lãi theo lãi suất ngân hàng từ thời điểm vay là tháng 3 năm 2021 đến tháng 7 năm 2022. Cụ thể tiền gốc và lãi tổng cộng với anh T là 1,1 tỷ đồng (bằng chữ: một tỷ một trăm triệu đồng) vì nếu trả lãi 8 phần trăm trên 1 tháng và tính đến thời điểm hiện nay thì anh H sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình trả nợ. Nếu anh Thông đồng ý với

đề xuất như trên, anh H sẽ cố gắng sắp xếp trả dứt hợp trong thời gian sớm nhất có thể.

*-Tại phiên Tòa chị Tạ Thùy C trình bày:*

Chị C xác nhận khoản nợ này là nợ riêng của anh H, không liên quan đến chị C. Chị C nhất trí với ý kiến mà anh H đã làm tường trình gửi cho Tòa.

Tại phiên hòa giải hôm nay chị C đồng ý trả cho nguyên đơn 01(một )tỷ nợ gốc và 100.000.000đồng lãi.

Nguyên đơn cho vay lãi suất 8%/tháng, lãi suất này quá quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét, nếu có vi phạm về cho vay lãi nặng đề nghị Tòa án chuyển sang cơ quan điều tra xử lý hình sự.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

-Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký tuân thủ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa trên cơ sở tranh luận tại tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **I. Về tố tụng:**

Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### **II. Về Nội dung:**

[1]. Các bên thừa nhận có ký 02 bản Hợp đồng vay tiền không thế chấp ngày 21/5/2021 và 21/10/2021 nên sự kiện không cần chứng minh.

[2]. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn T:

[2.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc: Theo xác nhận của hai bên thì anh H có vay tiền của anh T là có thật. Anh T cho rằng anh H vay của anh T 1,2 tỷ đồng nợ gốc, còn anh H chỉ thừa nhận vay của anh T 01 tỷ đồng, còn 200 triệu là tính vào lãi vào gốc. Tuy nhiên, theo Hợp đồng vay tiền không thể chấp ngày 21/10/2021 thì anh H vay 1,2 tỷ đồng, hai bên thừa nhận chưa trả gốc nên số nợ gốc là 1,2 tỷ đồng là có căn cứ. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền không thể chấp ngày 21/10/2021 thì thời hạn trả là ngày 21/4/2022, đến nay anh H không trả nợ nên anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, buộc anh H trả cho anh Thông số nợ gốc 1,2 tỷ đồng theo Điều 466 Bộ Luật dân sự là phù hợp.

[2.2.]. Xét yêu cầu trả nợ lãi thì thấy: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền không thể chấp ngày 21/10/2021 thì thời hạn trả là ngày 21/4/2022, đến nay anh H không trả được nợ nên anh H phải trả lãi là có căn cứ.

Anh H cho rằng trong Hợp đồng vay tiền không thể chấp ngày 21/10/2021 không thỏa thuận mức trả tiền lãi nhưng có thỏa thuận miệng là 8%/ tháng. Anh H đề nghị xem xét mức lãi cho vay này; Anh T thừa nhận lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 8%/tháng. Cho thấy, hai bên có thỏa thuận lãi suất.

Căn cứ Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự quy định:

#### **Điều 468. Lãi suất**

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.*

Trong trường hợp này anh T cho vay 8% /tháng tương ứng 96%/năm là cao so với quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 201 Bộ Luật hình sự quy định “*Tội cho vay lãi nặng*” trong giao dịch dân sự thì trong giao dịch dân sự mà cho vay lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất trong Bộ Luật dân sự thì mới cấu thành tội phạm. Trong trường hợp này anh T cho vay với tỷ lệ lãi suất (96: 20) % tương ứng 4,8 lần < 05 lần nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Trong trường hợp này, thì tính lãi 20%/năm tương ứng  $20: 12 = 1,66\%$ /tháng là phù hợp.

Tại phiên tòa, anh T khai nhận, anh T cho anh H vay nhiều lần từ ngày 25/02/2022 đến ngày 28/6/2022. Tuy nhiên, hai bên thống nhất tính lãi từ ngày 21/4/2022. Anh Thông đồng ý tính lãi từ ngày 21/4/2022 đến ngày ghi theo Đơn khởi kiện là ngày 15/4/2024. Do đó, cụ thể lãi suất sẽ tính như sau:

+ Thời gian trả lãi từ 21/4/2022 đến ngày 15/4/2024 là 24 tháng

+ Tiền lãi là:  $1.200.000.000\text{đồng} \times 1,66\% \times 24 = 478.080.000\text{đồng}$ ;

+ Anh H đã trả 90.000.000đồng lãi;

Nên tiền lãi còn lại phải trả là  $478.080.000\text{đồng} - 90.000.000\text{đồng} = 388.080.000\text{đồng}$ . Tại tòa anh Thông đồng ý tiền lãi do Tòa án tính lại là 388.080.000đồng nên ghi nhận.

Vì vậy, anh H phải có nghĩa vụ trả anh T tổng cộng  $1.200.000.000\text{đồng} + 388.080.000\text{đồng} = 1.588.080.000\text{đồng}$ .

[3]. Xét yêu cầu của anh Lê Văn T2:

-Anh T2, anh T và anh H đều xác nhận anh T2 không cho anh H vay tiền; Anh T2 xác nhận số tiền 400.000.000đồng mà anh T2 đòi anh H là tiền anh T2 đưa cho anh T, không đưa cho anh H.

-Tại Biên bản đối chất ngày 12/6/2024, thì anh T, anh T2, anh H đều thừa nhận Hợp đồng vay tiền không thể chấp ngày 21/5/2021 như sau:

Anh T trình bày: *“Khi đưa cho anh H 400.000.000đồng anh T không nói tiền này của anh T2, anh H xác nhận anh T không nói”*;

*“Ngày 21/5/2021, thì anh T gọi tôi (T2) đến và nói với anh H giữa anh H và anh T làm ăn với nhau anh ra chứng kiến anh H làm giấy tờ để làm tin”*. Cho thấy, anh H không biết anh T2 và không vay mượn số tiền 400.000.000đồng của anh T2.

Mặt khác, như phân tích ở trên anh T khai nhận, anh T cho anh H vay nhiều lần từ ngày 25/02/2022 đến ngày 28/6/2022. Nhưng anh H ký giấy Hợp đồng vay tiền không thể chấp ngày 21/5/2021 là ký khống, không đảm bảo về mặt thời gian cũng như bản chất sự việc. Anh H ký *Hợp đồng vay tiền không thể chấp ngày 21/5/2021* để làm tin việc làm ăn giữa anh T và anh H (như các bên thừa nhận) nên không mặc nhiên khoản tiền 400.000.000đồng ghi trong *Hợp đồng vay tiền không thể chấp ngày 21/5/2021* trở thành khoản nợ của anh H đối với anh T2.

Do đó, HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Lê Hữu T1 về việc buộc anh Vũ Tuấn H trả khoản nợ gốc và lãi đối với số nợ 400.000.000đồng.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

1/ Anh Vũ Tuấn H phải chịu án phí tương ứng nghĩa vụ phải thanh toán, được tính như sau:  $36.000.000\text{đồng} + \{(1.588.080.000\text{đồng} - 800.000.000\text{đồng}) \times 3\%\} = 59.642.400\text{đồng}$ .

2/ Anh Lê Hữu T1 phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu không được tòa án chấp nhận, được tính như sau:  $20.000.000\text{đồng} + \{(680.000.000\text{đồng} - 400.000.000\text{đồng}) \times 4\%\} = 31.200.000\text{đồng}$ .

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 466, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự;  
- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với anh Vũ Tuấn H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Buộc anh Vũ Tuấn H có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng nợ gốc và số tiền 388.080.000 (ba trăm tám mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng lãi.

[2]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T2 đối với anh Vũ Tuấn H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

1/Anh Vũ Tuấn H phải nộp 59.642.400 (năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm) đồng.

2/Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu hoàn lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí 31.650.000 (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005537 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3/Anh Lê Hữu T1 phải nộp 31.200.000 (ba mươi một triệu hai trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền 15.600.000 (mười lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005536 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu nên anh Lê Hữu T1 phải nộp thêm số tiền 15.600.000 (mười lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKS TP Vũng Tàu
- Tòa án tỉnh BR-VT
- Chi cục THA TP . Vũng Tàu
- Gửi đương sự,
- Lưu HS

**Nguyễn Văn Hiến**